

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỦA CÔNG TY MẸ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo Kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	15 - 60
8. Phụ lục I – Tổng hợp ảnh hưởng của thay đổi chế độ kế toán và điều chỉnh các sai sót	61 - 65



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị của Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trực thuộc Bộ Xây dựng; Quyết định số 225/QĐ-BXD ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Bộ Xây dựng đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2435/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu, giúp việc; các Ban quản lý, điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty Sông Đà. Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Sông Đà.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 937/QĐ-BXD thành lập Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà trước đây. Tổng công ty Sông Đà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con hình thành trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu giúp việc; các Văn phòng đại diện, Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc khác và đơn vị sự nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà (thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Tổng công ty Sông Đà được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 5 năm 2014.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3 854 1164
- Fax : (04) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0100105870

Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100105870 ngày 07 tháng 5 năm 2014):

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi tổ hợp các công trình ngầm; Thi công và xử lý nền móng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi (trừ thiết kế phương tiện vận tải);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu, thuyền;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Phá dỡ. Chi tiết: Dịch vụ nổ mìn (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Khánh Toàn	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Doãn Hành	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Lê Văn Tồn	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012 (*)
Ông Hồ Văn Dũng	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Kim Tới	Thành viên	Ngày 10 tháng 11 năm 2014

(*) Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà thống nhất và báo cáo Bộ Xây dựng chấp thuận ông Lê Văn Tồn thôi là Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà để chuyển công tác theo Nghị quyết số 165/TCT-HĐTV ngày 08 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Sông Đà.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Vũ Tuấn Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2015
Ông Kim Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Văn Thạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2015

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Văn Việt	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Phúc	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Văn Dũng (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.


TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 08 tháng 8 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Tuấn



Số: 420/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2017, từ trang 08 đến trang 65, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành lại, thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 318/2016/BCTC-KTTV ngày 31 tháng 3 năm 2016 do Tổng công ty lập lại Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 (xem thuyết minh số I.5 trang 15).

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 8 năm 2017

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.349.675.589.284	6.121.495.540.840
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	578.245.033.271	761.803.239.779
1. Tiền	111		515.747.089.924	761.803.239.779
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.497.943.347	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.332.978.101	1.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	6.332.978.101	1.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.644.604.444.837	5.284.611.540.770
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	2.436.310.004.649	1.968.271.735.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	423.040.038.868	946.651.664.090
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.937.869.798.350	1.132.988.031.716
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	879.353.654.888	1.268.669.161.613
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(31.969.051.918)	(31.969.051.918)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		40.704.297.498	9.601.977.405
1. Hàng tồn kho	141	V.8	40.704.297.498	9.601.977.405
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		79.788.835.577	64.278.782.886
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	51.587.322.936	50.947.929.667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.190.495.276	13.319.835.854
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	11.017.365	11.017.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.946.914.261.966	11.111.351.559.540
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.975.312.920.148	4.347.991.701.923
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	743.631.117.524	664.459.911.913
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	2.231.681.802.624	3.682.298.531.968
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b		1.233.258.042
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		1.012.658.922.585	1.039.039.368.249
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.012.276.748.466	1.038.326.701.918
<i>Nguyên giá</i>	222		1.150.228.240.526	1.150.994.267.506
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(137.951.492.060)	(112.667.565.588)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	382.174.119	712.666.331
<i>Nguyên giá</i>	228		1.524.684.123	1.524.684.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.142.510.004)	(812.017.792)
III. Bất động sản đầu tư	230			
<i>Nguyên giá</i>	231			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	48.785.570.755
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	48.849.426.755	48.785.570.755
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.847.595.883.977	5.617.379.004.954
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	2.741.069.169.252	4.490.842.951.668
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1.927.186.865.100	911.916.575.364
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	283.697.600.000	335.382.500.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(104.357.750.375)	(120.763.022.078)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		62.497.108.501	58.155.913.659
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	62.497.108.501	58.155.913.659
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.296.589.851.250	17.232.847.100.380

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		13.650.862.009.982	14.019.019.397.490
I. Nợ ngắn hạn	310		7.145.598.061.096	5.829.665.706.773
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	3.324.920.677.553	2.238.549.104.494
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	468.799.261.693	1.179.024.958.541
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	2.658.827.591	6.400.935.611
4. Phải trả người lao động	314		16.043.685.774	15.438.198.171
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	535.520.516.325	592.809.195.198
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	2.693.422.496	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	191.515.343.841	117.087.427.531
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	2.583.241.633.319	1.660.688.867.444
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	20.204.692.504	19.667.019.783
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		6.505.263.948.886	8.189.353.690.717
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	986.154.282.859	917.561.263.734
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	153.283.858.819	143.776.135.372
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	81.409.407.562	117.741.746.952
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	5.284.416.399.646	7.010.274.544.659
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.645.727.841.268	3.213.827.702.890
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.645.727.841.268	3.213.827.702.890
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.917.731.535.152	2.563.494.435.152
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		493.836.476.327	475.273.685.700
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		76.161.868.993	76.161.868.993
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		152.247.358.852	93.147.111.101
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.139.935.565	93.147.111.101
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		112.107.423.287	
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		5.750.601.944	5.750.601.944
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.296.589.851.250	17.232.847.100.380

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Tuyết Trinh





KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	7.212.584.136.653	7.090.435.476.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	37.962.725.538	48.794.995.326
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		7.174.621.411.115	7.041.640.481.343
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	6.899.012.382.249	6.765.777.762.047
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		275.609.028.866	275.862.719.296
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	560.509.744.480	664.939.206.146
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	569.541.734.714	687.795.060.508
Trong đó: chi phí lãi vay	23		489.810.321.112	572.230.079.946
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	154.494.937.696	173.271.979.656
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		112.082.100.936	79.734.885.278
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.757.329.642	12.510.450.083
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.732.007.291	8.728.305.625
13. Lợi nhuận khác	40		25.322.351	3.782.144.458
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.107.423.287	83.517.029.736
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>112.107.423.287</u>	<u>83.517.029.736</u>

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Tuyết Trinh




**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	112.107.423.287	83.517.029.736
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	26.316.418.684	26.951.481.214
- Các khoản dự phòng	03	(16.405.271.703)	143.165.079.701
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	45.722.566.874	(30.316.251.294)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(508.635.625.927)	(619.892.776.407)
- Chi phí lãi vay	06	489.810.321.112	572.230.079.946
- Các khoản điều chỉnh khác	07		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	148.915.832.327	175.654.642.896
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	60.327.882.038	(192.005.236.534)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(31.102.320.093)	12.220.613.975
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	406.526.731.214	(25.017.541.095)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(4.980.588.111)	32.216.156.656
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14	(531.177.341.427)	(548.455.225.218)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(828.964.403)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.612.272.627	1.093.953.811
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(19.681.558.050)	(26.302.800.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<u>31.440.910.525</u>	<u>(571.424.399.912)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(192.609.091)	(7.954.563.737)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	340.936.364	282.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(358.579.656.750)	(11.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	(3.111.928.870.327)	10.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(327.760.059.825)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	194.869.940.000	146.177.950.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	377.296.148.311	454.258.413.006
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<u>(2.898.194.111.493)</u>	<u>263.804.284.899</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31				
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32				
3. Tiền thu từ đi vay	33		7.862.878.721.393		2.167.883.877.396
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.179.718.402.582)		(2.038.405.650.965)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<u>2.683.160.318.811</u>		<u>129.478.226.431</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(183.592.882.157)		(178.141.888.582)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	761.803.239.779		940.040.297.785
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		34.675.649		(95.169.424)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>578.245.033.271</u>		<u>761.803.239.779</u>

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Tuyết Trâm





Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng; sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Ngành nghề kinh doanh có liên quan: vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; xuất khẩu lao động; dịch vụ du lịch, khách sạn; dịch vụ nổ mìn./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Ngày 22 tháng 02 năm 2016, Tổng công ty đã hoàn tất việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo thông báo của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long tại công văn số 53/CT/HDQT.

Thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng theo Quyết định số 66/QĐ-BXD ngày 20 tháng 1 năm 2016: "Điều 1. Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo hình thức ghi tăng - giảm vốn số liệu chuyển giao tại thời điểm 31/12/2015, cụ thể như sau:

- Số lượng cổ phần: 64.576.290 cổ phần
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tổng giá trị theo mệnh giá: 645.762.900.000 đồng."

Tổng công ty đã thực hiện hạch toán giảm vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và hạch toán giảm các khoản vay của các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính mà Tổng công ty Sông Đà đã đứng ra vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 vào ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Theo Công văn số 4242/BTC/CĐKT của Vụ Chế độ Kế toán và Kiểm toán - Bộ Tài chính, Tổng công ty vẫn có nghĩa vụ trả nợ về mặt pháp lý đối với khoản vay nêu trên. Do đó, Tổng công ty lập lại Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 trình bày các khoản vay của các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính mà Tổng công ty Sông Đà đã đứng ra vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vào Bảng cân đối kế toán tổng hợp năm 2015.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Cấu trúc Tổng công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Xây lắp	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,24%	65,24%
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*)	Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Kinh doanh thủy điện	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần thép Việt - Ý	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất thép	53,04%	53,04%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Kinh doanh thủy điện	58,58%	55,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Kinh doanh thủy điện	50,96%	50,96%
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Tầng 5 tòa nhà CT1-Vimeco, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	Tầng 15 tháp A, Tòa nhà HH4 - Mỹ Đình Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,85%	58,00%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà (*)	Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	Kinh doanh thủy điện	59,68%	60,92%
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Tòa nhà Viettel, số 16, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh	Kinh doanh thủy điện	100,00%	100,00%
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các Công ty này bị Tổng Công ty kiểm soát và khoản đầu tư được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 26, block A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50%	50%
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	Thôn Điền Lợi, Xã Bình Điền, Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Kinh doanh thủy điện	20,60%	20,60%
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, Xã Phú Riềng, Huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su		
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tài chính	32,13%	33,85%
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, Xã Quất Lưu, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	37,30%	37,30%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Xây lắp	30%	30%
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	26,86%	26,86%
Công ty Cổ phần Điện	Tầng 9, khu B, tòa nhà HH4,	Kinh doanh	50,32%	36,59%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Việt Lào	đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	thủy điện		

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thanh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành dự án Thủy điện Hủa Na	Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	Phòng 308 nhà G10 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kontum

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tổng công ty và Tổng công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng công ty có 322 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 415 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tổng Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Phần mềm diệt virus

Chi phí mua phần mềm diệt virus được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

Biển hiệu điện tử

Chi phí làm biển hiệu điện tử được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí ban điều hành

Chi phí Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong từng năm không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 47
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	03 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tổng Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng Công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tổng công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty. Theo qui định tại đoạn 04(b) chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan, thông tin này được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	3.308.278.114	2.654.614.538
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	512.438.811.810	759.148.625.241
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	62.497.943.347	
Cộng	578.245.033.271	761.803.239.779

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	2.741.069.169.252	(39.040.360.601)	4.490.842.951.668	(76.690.344.988)
<i>Các Công ty con do Tổng công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết</i>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (*)	82.937.094.187		82.937.094.187	(18.474.240.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (*)	65.703.263.029		65.703.263.029	
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (*)	201.908.800.000		201.908.800.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (*)	193.378.247.507		193.378.247.507	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (*)	195.227.660.440		195.227.660.440	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (*)	268.343.698.000		268.343.698.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	142.800.000.000		142.800.000.000	
Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý	271.360.736.917		271.360.736.917	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (*)	195.182.948.404		195.182.948.404	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	9.289.363.562		9.289.363.562	
Công ty Cổ phần Phòng	12.750.000.000		12.750.000.000	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà				
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	161.307.047.149		161.307.047.149	
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Khánh Hòa	69.405.575.947		69.405.575.947	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn ⁽¹⁾	170.465.500.000	(10.207.080.317)	173.994.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	22.000.000.000	(5.500.000.000)	22.000.000.000	(12.100.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến ⁽¹⁾	557.250.449.375		557.250.449.375	(18.296.173.481)
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly			23.484.931.507	(15.324.931.507)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long			578.692.300.000	
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà			46.410.000.000	
<i>Các Công ty Con do Tổng Công ty nắm giữ dưới 50% quyền biểu quyết nhưng có quyền bỏ đa số phiếu tại cuộc họp Hội đồng quản trị</i>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	57.272.797.994		57.272.797.994	
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	24.500.000.000	(23.333.280.284)	24.500.000.000	(12.495.000.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	39.985.986.741		39.985.986.741	
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào			1.097.658.050.909	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.927.186.865.100	(7.117.589.774)	911.916.575.364	(20.040.999.200)
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (*)	28.212.000.000		28.212.000.000	
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	44.700.000.000		44.700.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	90.000.000.000		90.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điện	31.929.000.000	(7.117.589.774)	31.929.000.000	
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.782.968.647		2.740.381.875	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà (*)	333.904.845.544		333.904.845.544	
Công ty Cổ phần Cao su	100.000.000.000		100.000.000.000	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phú Riêng Kratie ⁽²⁾				
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà ⁽²⁾	199.000.000.000		199.000.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 7			27.248.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 25			18.227.971.507	(14.478.419.200)
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà			7.517.000.000	(5.562.580.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sông Đà			28.437.376.438	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.097.658.050.909			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	283.697.600.000	(58.199.800.000)	335.382.500.000	(24.031.677.890)
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	<i>232.467.600.000</i>	<i>(58.199.800.000)</i>	<i>232.262.500.000</i>	<i>(24.031.677.890)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Trung ⁽³⁾	32.814.400.000		32.814.400.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex ⁽³⁾	40.230.600.000		33.525.500.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh ⁽³⁾	13.020.000.000		13.020.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000		1.536.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mức	5.880.000.000		5.880.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000		538.200.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000		300.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà ⁽⁴⁾	33.541.200.000		33.541.200.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Bắc 1	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO	4.573.200.000		4.573.200.000	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dịch vụ Sông Đà	1.000.000.000		1.000.000.000	
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến	25.724.000.000		25.724.000.000	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Khoáng sản Sông Đà				
Công ty Cổ phần	250.000.000	(139.800.000)	250.000.000	
Kỹ thuật điện Sông Đà				
Công ty Cổ phần				
Thủy điện Sông Đà -	58.060.000.000	(58.060.000.000)	58.060.000.000	(22.801.677.890)
Hoàng Liên				
Công ty Cổ phần			1.500.000.000	(1.230.000.000)
Sông Đà 2.07				
Công ty Cổ phần			5.000.000.000	
Sông Đà Hoàng Long				
Đầu tư vào đơn vị khác	51.230.000.000		103.120.000.000	
Quỹ đầu tư Việt Nam	51.120.000.000		102.240.000.000	
Tập đoàn Hà Thành	110.000.000		110.000.000	
Quỹ Hỗ trợ Đầu tư Quốc Gia			770.000.000	
Tổng cộng	4.951.953.634.352	(104.357.750.375)	5.738.142.027.032	(120.763.022.078)

(*) Các khoản đầu tư có giá gốc là 1.654.885.755.105 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu phát hành năm 2015.

Trong năm, Tổng công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà Yaly, Công ty Cổ phần Simco Sông Đà, Công ty Cổ phần Sông Đà 7, Công ty Cổ phần Sông Đà 25, Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sông Đà, Công ty Cổ phần Sông Đà 2.07, Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Long và rút vốn khỏi Quỹ Hỗ trợ Đầu tư Quốc gia.

Chi tiết các khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
(1) Đầu tư vào công ty con	55.339.500.000	58.868.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	38.718.000.000	38.718.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	16.621.500.000	20.150.000.000
(2) Đầu tư vào công ty liên kết	18.400.000.000	18.400.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	9.400.000.000	9.400.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	9.000.000.000	9.000.000.000
(3) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.236.600.000	12.147.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Trung	480.000.000	542.400.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng	906.600.000	755.500.000
Vinaconex		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	9.550.000.000	9.550.000.000
Cộng	85.976.100.000	89.415.900.000

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại các công ty con như sau:

Các đơn vị đã niêm yết cổ phiếu

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ	Giá trị cổ phần theo mệnh giá	Vốn đã đầu tư
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	40,77%	120.000.000.000	58.800.000.000	57.272.797.994
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	51,00%	159.993.560.000	81.600.000.000	82.937.094.187
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	65,00%	103.000.000.000	66.950.000.000	65.703.263.029
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	64,16%	259.998.480.000	166.816.800.000	201.908.800.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	65,48%	347.716.110.000	226.015.400.000	193.378.247.507
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	58,50%	305.663.000.000	178.812.000.000	195.227.660.440
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	62,27%	427.323.110.000	266.074.070.000	268.343.698.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	49,00%	50.000.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
Công ty Cổ phần thép Việt - Ý	53,04%	492.202.620.000	261.062.970.000	271.360.736.917
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	50,96%	459.991.500.000	234.407.040.000	195.182.948.404
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	51,01%	26.097.100.000	13.311.000.000	9.289.363.562
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	58,00%	200.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	46,15%	77.350.000.000	35.700.000.000	39.985.986.741
Cộng				<u>1.627.090.596.781</u>

Các đơn vị chưa niêm yết cổ phiếu

Tên công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ	Vốn góp theo cam kết	Vốn đã đầu tư	Vốn còn phải đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	51,00%	280.000.000.000	142.800.000.000	142.800.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	60,92%	285.620.000.000	173.994.000.000	170.465.500.000	(3.528.500.000)
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	51,00%	50.000.000.000	25.500.000.000	12.750.000.000	(12.750.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	46,44%	1.200.000.000.000	660.000.000.000	557.250.449.375	(102.749.550.625)
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	100,00%	230.000.000.000	230.000.000.000	161.307.047.149	(68.692.952.851)
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Khánh Hòa	100,00%	69.405.575.947	69.405.575.947	69.405.575.947	
Cộng		2.115.025.575.947	1.301.699.575.947	<u>1.113.978.572.471</u>	<u>(187.721.003.476)</u>
Cộng các khoản đầu tư vào công ty con				<u>2.741.069.169.252</u>	

Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(120.763.022.078)	(15.617.733.147)
Trích lập dự phòng bổ sung	(63.561.072.485)	(106.564.975.429)
Hoàn nhập dự phòng	79.966.344.188	1.419.686.498
Số cuối năm	<u>(104.357.750.375)</u>	<u>(120.763.022.078)</u>

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>960.791.785.758</i>	<i>804.991.445.589</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		681.316.825
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	14.199.459.991	15.778.562.786
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	2.255.647	41.417.326
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	320.461.986	936.354.939
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	12.423.542.949	12.242.506.392
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	226.485.422	226.485.422
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	106.070.875	2.045.001.461
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	164.587.037	1.158.170.397
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	855.178.390	850.100.289
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	3.913.875.767	850.724.342
Công ty TNHH Một thành viên Công trình Giao thông Sông Đà	13.788.656	
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	27.535.905.562	1.685.864.413
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	2.750.000	
Công ty TNHH Một thành viên Điện Xêcamán 3	551.597.539.886	448.772.278.052
Công ty TNHH Một thành viên Điện Xêcamán 1	85.299.316.605	59.948.683.718
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	263.743.396.523	258.542.605.302
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	387.170.462	615.549.765
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà		615.824.160
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.475.518.218.891</i>	<i>1.163.280.289.680</i>
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	106.796.546.283	92.409.297.211
Ban Quản lý Dự án các Công trình điện Miền Bắc	29.863.719.995	
Ban Quản lý Dự án thủy điện 1	137.448.922.693	150.407.204.174
Ban Quản lý Dự án thủy điện 2	32.042.772.658	84.952.927.905
Ban Quản lý Dự án thủy điện 4	63.231.823.051	43.375.609.675
Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5	598.365.182.934	332.210.265.085
Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	165.618.441.613	177.679.013.467
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	223.046.315.754	212.805.204.521
Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc	33.240.251.120	1.097.140.658

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Việt Nam		
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	25.595.938.166	31.606.108.212
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	20.220.333.777	8.372.712.385
Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Trung Sơn	13.252.679.929	5.391.777.515
Các đối tượng khác	26.795.290.918	22.973.028.872
Cộng	<u>2.436.310.004.649</u>	<u>1.968.271.735.269</u>
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>234.174.834.271</i>	<i>165.823.257.127</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	74.163.749.752	72.667.696.542
Công ty TNHH MTV Điện Xêcamản 1	160.011.084.519	93.155.560.585
Công ty TNHH MTV Điện Xêcamản 3		
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>509.456.283.253</i>	<i>498.636.654.786</i>
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	325.888.604.937	352.230.163.094
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	183.567.678.316	146.406.491.692
Cộng	<u>743.631.117.524</u>	<u>664.459.911.913</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>288.423.769.868</i>	<i>542.539.894.010</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	5.722.973.113	15.118.556.454
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	19.931.885.581	115.145.582.267
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		69.187.406.123
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.000.000.000	84.306.417.139
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	18.819.238.443	34.598.775.488
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	6.179.100.261	27.651.128.081
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	10.954.674.828	56.322.931.488
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	119.277.009.575	277.009.575
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	14.434.099.578	24.094.829.807
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 - Xí nghiệp 12.2	5.351.550.551	1.632.067.693
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	75.996.323.424	110.335.583.729
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	631.945.500	
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nhà Khánh Hoà	742.631.928	919.745.928
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	909.000.000	1.156.875.425
Công ty TNHH Một thành viên Công trình giao thông Sông Đà	3.673.337.086	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	800.000.000	1.792.984.813
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>134.616.269.000</i>	<i>404.111.770.080</i>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần LiLamma 10	13.321.762.981	49.735.094.754
Tổng công ty Cơ Khí Xây dựng	12.100.752.766	14.179.470.906
Công ty Cổ phần Sbtech	8.713.025.756	7.684.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly	5.408.960.833	23.181.340.560
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	12.000.000.000	
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam		28.430.467.974
Công ty cổ phần Sông Đà 7		65.878.022.133
Các đối tượng khác	83.071.766.664	215.023.373.753
Cộng	423.040.038.868	946.651.664.090

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>497.393.328.695</i>	<i>513.432.538.810</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	2.108.580.936	
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.265.126.022	
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	23.662.061.801	34.314.984.571
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	2.040.081.262	10.800.075.565
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	468.317.478.674	468.317.478.674
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.440.476.469.655</i>	<i>619.555.492.906</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.399.544.651.336	576.821.953.454
Tổng công ty Cơ khí xây dựng		1.801.721.133
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	25.931.818.319	25.931.818.319
Công ty Cổ phần Sông Đà Hoàng Liên	15.000.000.000	15.000.000.000
Viện Kinh tế Xây dựng	100.000.000	100.000.000
Dự phòng giảm giá cho vay ngắn hạn	(100.000.000)	(100.000.000)
Cộng	2.937.869.798.350	1.132.988.031.716

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>173.886.198.628</i>	<i>171.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	108.678.874.143	106.875.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	65.207.324.485	64.125.000.000
<i>Phải thu các tổ chức khác</i>	<i>2.057.795.603.996</i>	<i>3.511.298.531.968</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.057.695.603.996	3.511.198.531.968
- Khoản vay Ngân hàng NIB	183.185.850.916	362.953.689.875
- Khoản vay Ngân hàng Natixis	876.561.057.799	1.532.441.130.096
- Khoản vay Ngân hàng ADB	643.183.312.736	636.965.310.187
- Khoản vay Bộ Tài chính	354.765.382.545	978.838.401.810
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Cộng	2.231.681.802.624	3.682.298.531.968

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	475.126.908.900	(5.000.000.000)	473.733.977.942	(5.000.000.000)
<i>Phải thu về tiền cổ tức</i>	<i>12.656.500.000</i>	<i>(5.000.000.000)</i>	<i>41.049.540.000</i>	<i>(5.000.000.000)</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	4.686.500.000			
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	2.235.000.000			
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	735.000.000		735.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6			22.601.540.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà			3.213.000.000	
Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà			9.500.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
<i>Phải thu ngắn hạn khác của các bên liên quan</i>	<i>462.470.408.900</i>		<i>432.684.437.942</i>	
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	66.700.729		1.215.711.122	
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	52.280.793		91.589.326	
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	184.487.681		2.466.257.220	
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	521.851.521		6.788.789.562	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.958.511.592		867.143.081	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.024.726.014		1.908.816.261	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9.06	2.006.286.018		1.935.501.427	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	508.129.017		286.823.274	
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	50.725.559		147.695.466	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	168.238.000		4.003.358.539	
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	376.855.685.162		305.773.040.496	
Công ty TNHH Điện Xécaman 1	4.839.600.000		4.900.062.777	
Công ty TNHH Điện Xécaman 3	10.306.054.119		11.657.750.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	28.992.547.828		28.972.196.828	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	9.158.850		8.969.850	
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà - Yaly	159.265.472		159.265.472	
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	18.904.118.728		24.551.402.472	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	3.225.357.714		2.637.339.695	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần Sông Đà Hà Nội	607.233.000		2.678.952.064	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Sông Đà	56.534.350		626.526.358	
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nhà Khánh Hoà	166.643.860		113.783.204	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	135.567.867		135.567.867	
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	2.286.900			
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	1.177.915.140			
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	467.517.986			
Công ty TNHH Một thành viên Công trình Giao thông Sông Đà	9.022.985.000			
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1			304.768.555	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà			30.401.435.409	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà			26.242.254	
Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà			9.239.421	
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý			16.209.942	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	404.226.745.988	(25.328.575.337)	794.935.183.671	(25.328.575.337)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - phải thu tiền lãi và phí cho vay lại	243.492.828.601		245.666.399.256	
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Các khoản khác			375.825.076.803	
Vốn góp vào Quỹ Đầu tư Việt Nam	6.480.000.000		20.160.000.000	
Tạm ứng	4.706.789.493		2.770.206.400	
Phải thu cổ tức lợi nhuận được chia	41.156.990.000	(25.046.698.000)	46.642.910.000	(25.046.698.000)
Các khoản phải thu khác	108.390.137.894	(281.877.337)	106.044.161.867	(281.877.337)
Cộng	879.353.654.888	(30.328.575.337)	1.268.669.161.613	(30.328.575.337)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		<i>5.000.000.000</i>		<i>5.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà - phải thu tiền cổ tức	Trên 3 năm	5.000.000.000	Trên 3 năm	5.000.000.000
<i>Các tổ chức khác</i>		<i>26.969.051.918</i>		<i>31.328.731.918 4.359.680.000</i>
Tổng Công ty Sông Hồng - tiền cổ tức	Trên 3 năm	19.763.178.000	Trên 3 năm	19.763.178.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - tiền cổ tức	Trên 3 năm	3.814.720.000	Trên 3 năm	8.174.400.000 4.359.680.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà - phải thu tiền cổ tức	Trên 3 năm	1.468.800.000	Trên 3 năm	1.468.800.000
Phải thu khác		1.922.353.918		1.922.353.918
Cộng		31.969.051.918		36.328.731.918 4.359.680.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	31.969.051.918		31.969.051.918
Trích lập dự phòng bổ sung			
Hoàn nhập dự phòng			
Số cuối năm	31.969.051.918		31.969.051.918

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	65.320.898		115.007.664	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	40.638.976.600		9.486.969.741	
Cộng	40.704.297.498		9.601.977.405	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thiết bị văn phòng	186.070.192	342.397.954
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey	47.364.302.262	47.364.302.262
Chi phí thiết bị Sêsan 3	2.962.350.827	2.962.350.827
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.074.599.655	278.878.624
Cộng	51.587.322.936	50.947.929.667

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí quản lý phát hành trái phiếu		1.985.632.182
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	55.123.777.846	43.848.361.643
Chi phí công cụ dụng cụ	218.025.093	638.053.391
Chi phí quản lý trạm y tế	414.240.119	
Chi phí quản lý Ban điều hành	6.167.248.634	10.624.741.137
Các chi phí trả trước dài hạn khác	573.816.809	1.059.125.306
Cộng	62.497.108.501	58.155.913.659

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.102.688.493.851	1.948.070.041	42.592.902.423	2.046.102.363	1.718.698.828	1.150.994.267.506
Mua trong năm			(958.636.071)	192.609.091		192.609.091
Thanh lý, nhượng bán	2.944.190.436	6.282.882.526	(9.412.722.962)	185.650.000		(958.636.071)
Phân loại lại TSCĐ						
Số cuối năm	1.105.632.684.287	8.230.952.567	32.221.543.390	2.424.361.454	1.718.698.828	1.150.228.240.526
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.698.310.528	1.357.603.533	13.896.036.693	694.820.547	618.128.828	18.264.900.129
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	83.165.915.333	1.733.802.531	24.967.714.293	1.436.419.739	1.363.713.692	112.667.565.588
Khấu hao trong năm	23.757.718.596	68.480.352	1.902.991.908	337.194.289	88.397.856	26.154.783.001
Thanh lý, nhượng bán			(702.000.000)			(702.000.000)
Phân loại lại	(168.856.529)					(168.856.529)
Số cuối năm	106.754.777.400	1.802.282.883	26.168.706.201	1.773.614.028	1.452.111.548	137.951.492.060
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	1.019.522.578.518	214.267.510	17.625.188.130	609.682.624	354.985.136	1.038.326.701.918
Số cuối năm	998.877.906.887	6.428.669.684	6.052.837.189	650.747.426	266.587.280	1.012.276.748.466

Trong đó: Tạm thời chưa sử dụng
 Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 983.439.871.294 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Nam Định.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	1.524.684.123
Số cuối năm	337.478.200	1.187.205.923	1.524.684.123
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	246.236.559	565.781.233	812.017.792
Khấu hao trong năm	16.873.908	144.761.775	161.635.683
Phân loại lại hao mòn lũy kế	4.218.482	164.638.047	168.856.529
Số cuối năm	267.328.949	875.181.055	1.142.510.004
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	91.241.641	621.424.690	712.666.331
Số cuối năm	70.149.251	312.024.868	382.174.119
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng			
Đang chờ thanh lý			

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Mua sắm TSCĐ	Dự án thủy điện Sekong 3	Cộng
Số đầu năm		48.785.570.755	48.785.570.755
Chi phí phát sinh trong năm	34.427.273	63.856.000	98.283.273
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(34.427.273)		(34.427.273)
Kết chuyển giảm khác			
Cộng		48.849.426.755	48.849.426.755

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.478.166.496.629	1.661.771.641.907
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	18.091.343.768	29.117.282.965
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	255.371.341.090	122.127.635.755
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	180.311.961.198	95.408.649.840
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	135.342.609.534	205.375.379.396
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	352.364.513.789	243.641.971.877
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	236.536.884.628	192.028.815.731
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	466.681.916.492	372.781.888.750
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1	129.742.352.465	78.666.012.418
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	9.468.834.624	8.867.023.971

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	173.518.791.519	49.305.149.439
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	65.914.258.314	33.159.516.639
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.374.954.596	4.203.684.001
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	18.243.435.793	5.616.271.286
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	11.613.511.188	20.702.046.481
Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn	202.884.810.259	124.634.415.766
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	1.364.713.394	1.010.545.157
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	753.745.987	7.284.499.383
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	123.001.267.003	65.959.223.696
Công ty TNHH Một thành viên Someco Thiết Kế	1.254.400.146	1.308.649.708
Công ty Cổ phần thép Việt Ý	257.264.844	273.474.786
Công ty TNHH Điện Xê ka mản 3		299.504.862
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Nhà Khánh Hoà	19.825.601	
Công ty Cổ phần Sông Đà - Jurong	2.702.731.293	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	
Công ty TNHH Một thành viên Công trình Giao thông Sông Đà	23.280.429.104	
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>846.754.180.924</i>	<i>576.777.462.587</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	90.419.355.775	51.899.082.616
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	90.942.505.124	109.851.255.752
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà (Sotraco)	63.676.224.273	19.889.680.509
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	60.472.200.086	50.681.740.416
Công ty Cổ phần Licogi 12	60.362.722.355	66.968.520.084
Công ty Cổ phần Lilama 10	46.761.713.809	5.042.488.082
Các đối tượng khác	434.119.459.502	272.444.695.128
Cộng	3.324.920.677.553	2.238.549.104.494

13b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>750.464.208.277</i>	<i>695.224.126.796</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	4.661.479.516	4.661.479.516
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	16.416.881.868	6.674.042.489
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	71.038.341.297	57.716.381.062
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	174.602.437.051	201.352.431.146
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	135.089.136.582	103.914.289.078
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	125.002.550.429	137.013.222.874
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	112.595.209.927	109.162.188.726
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1	23.285.973.382	15.845.747.099
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	14.854.839.970	10.137.374.826
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	9.870.991.672	9.788.577.983

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	5.795.949.332	5.284.081.954
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.826.639.806	4.304.784.113
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	5.590.489.547	5.429.793.532
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	43.420.145.645	20.500.991.047
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	3.819.435.875	2.845.034.973
Công ty TNHH Một thành viên Công ty Giao thông Sông Đà – Chi nhánh Hà Nội	593.706.378	593.706.378
Phải trả các nhà cung cấp khác	235.690.074.582	222.337.136.938
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	103.799.080.627	98.646.036.037
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	12.334.025.182	16.623.811.440
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	14.158.111.744	14.158.111.744
Công ty Cổ phần SCI	22.340.560.492	21.656.079.628
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	15.820.328.813	14.846.855.983
Các đối tượng khác	67.237.967.724	56.406.242.106
Cộng	986.154.282.859	917.561.263.734

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	350.450.767.283	432.412.598.358
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	120.558.000.000	
Công ty TNHH Điện Xêcaman 1	197.173.261.598	406.943.903.339
Công ty TNHH Điện Xêcaman 3	32.139.422.007	24.888.611.341
Trả trước của các khách hàng khác	118.348.494.410	746.612.360.183
Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	23.888.399.765	57.714.176.151
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà Quốc Hội	14.774.154.610	166.615.805.812
Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomín	25.660.152.860	119.081.644.763
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	23.982.881.453	42.360.824.083
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	13.891.500.000	35.361.240.288
Ban Quản lý Dự án Các Công trình Điện Miền Trung	2.361.159.343	3.481.967.889
Ban Quản lý Dự án nhà máy thủy điện Lai Châu		264.489.983.752
Ban Quản lý Dự án Thủy điện Huội Quảng		38.854.506.627
Các khách hàng khác	13.790.246.379	18.652.210.818
Cộng	468.799.261.693	1.179.024.958.541

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.699.192.616		14.556.614.474	(18.133.788.530)	2.122.018.560	
Thuế thu nhập cá nhân	570.862.860	11.017.365	1.019.372.245	(1.183.306.209)	406.928.896	11.017.365
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			6.641.122.115	(6.641.122.115)		
Các loại thuế khác	122.385.634		530.445.104	(531.445.104)	121.385.634	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.494.501		21.400.000	(21.400.000)	8.494.501	
Cộng	6.400.935.611	11.017.365	22.768.953.938	(26.511.061.958)	2.658.827.591	11.017.365

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, bán điện	10%
- Hoạt động dịch vụ	10%
- Hoạt động cho thuê văn phòng	10%
- Hoạt động cho thuê xe ô tô	5%
- Hoạt động bán thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.107.423.287	83.517.029.736
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(274.765.331.410)	(260.136.484.481)
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.513.699.032	5.073.707.002
Lãi tiền vay vốn để góp vốn điều lệ		4.859.332.309
Thù lao hội đồng quản trị không chuyên trách		119.205.269
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền		95.169.424
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu và tiền năm trước	4.513.699.032	
- Các khoản điều chỉnh giảm	(279.279.030.442)	(265.210.191.483)
Lãi chênh lệch tỷ giá của khoản tiền và phải thu	(28.750.366.167)	(4.513.699.032)
Lãi chênh lệch tỷ giá của khoản vay góp vốn điều lệ		(32.922.940.209)
Hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu và tiền năm trước	(95.169.424)	(236.276.182)
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(250.433.494.851)	(227.537.276.060)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập chịu thuế	(162.657.908.123)	(176.619.454.745)
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	(162.657.908.123)	(176.619.454.745)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	535.520.516.325	592.809.195.198
Chi phí lãi vay phải trả	294.768.926.698	222.844.380.869
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	23.214.583.333	119.894.347.223
Chi phí công trình xây dựng	210.488.370.601	249.944.067.254
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.048.635.693	126.399.852
Cộng	535.520.516.325	592.809.195.198

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Organno Gold Việt Nam	349.390.746	
Công ty TNHH DooWoon Việt Nam	368.263.637	
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinata	440.569.600	
Các đối tượng khác	1.535.198.513	
Cộng	2.693.422.496	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	<i>120.731.202.751</i>	<i>109.522.084.328</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - tiền thuê văn phòng	35.568.943.669	36.385.890.497
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - tiền thuê văn phòng	29.661.703.868	22.036.704.116
Công ty Cổ phần thép Việt Ý - tiền thuê văn phòng	34.868.075.151	35.668.481.327
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội - tiền thuê văn phòng	6.589.566.411	
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà - tiền thuê văn phòng	13.899.179.009	14.800.787.257
Công ty Cổ phần Sông Đà - Ucrin - tiền thuê văn phòng	143.734.643	630.221.131
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</i>	<i>32.552.656.068</i>	<i>34.254.051.044</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - tiền thuê văn phòng	18.138.100.574	18.554.323.558
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05 - tiền thuê văn phòng	8.465.717.920	8.676.763.548
Công ty Cổ phần Sông Đà 207 - tiền thuê văn phòng	621.663.811	1.057.307.035
Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	5.327.173.763	5.531.410.805
Các đối tượng khác		434.246.098
Cộng	<u>153.283.858.819</u>	<u>143.776.135.372</u>

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>141.220.268.290</i>	<i>28.970.136.902</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		88.397.607
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý		11.600.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.157.767.364	1.157.767.364
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	18.700.441.931	27.700.441.931
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	163.835.000	11.930.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	239.651.132	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.542.373.681	
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	115.002.100.911	
Công ty TNHH điện Xêcaman 3	4.414.098.271	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>50.295.075.551</i>	<i>88.117.290.629</i>
Kinh phí công đoàn	701.671.901	731.734.024
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	834.879.568	808.172.488
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.786.748.618	392.915.500
Tiền khối lượng công ty xi măng Hạ Long - phải trả các đơn vị chưa xuất hóa đơn		42.500.258.935
Các quỹ tự nguyện	15.803.253.754	15.342.358.565
Ứng hộ 2 huyện nghèo tỉnh Sơn La	7.742.062.832	7.742.062.832
Công ty Cổ phần Sông Đà 704	5.921.010.931	5.921.010.931
Các khoản phải trả khác	14.505.447.947	14.678.777.354
Cộng	<u>191.515.343.841</u>	<u>117.087.427.531</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>11.400.000.000</i>	<i>45.801.448.184</i>
Phải trả phải nộp khác dài hạn Công ty TNHH Một thành viên Hạ Tầng Sông Đà		31.401.448.184
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	2.600.000.000	2.600.000.000
<i>Tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrink</i>	<i>600.000.000</i>	<i>600.000.000</i>
<i>Tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>2.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	4.000.000.000	7.000.000.000
<i>Tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>
<i>Tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>
<i>Tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong</i>		<i>3.000.000.000</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng	2.400.000.000	2.400.000.000
<i>Phải trả các tổ chức khác</i>	<i>70.009.407.562</i>	<i>71.940.298.768</i>
Phải trả người ủy thác đầu tư	65.576.100.000	69.315.900.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.057.354.335	2.624.398.768
Doanh thu tái thiết tòa nhà HH4	2.375.953.227	
Cộng	81.409.407.562	117.741.746.952

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	14.658.205.021	13.423.300.831
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	14.658.205.021	13.423.300.831
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	2.568.583.428.298	1.647.265.566.613
<i>Vay ngắn hạn Ngân hàng</i>	<i>981.278.436.513</i>	<i>1.467.345.603.916</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	481.919.768.563	895.645.461.115
<i>Chi nhánh Sở Giao dịch I</i>	<i>159.020.569.646</i>	<i>341.697.786.967</i>
<i>Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>142.645.466.973</i>	<i>329.928.592.973</i>
<i>Chi nhánh Cầu giấy</i>	<i>180.253.731.944</i>	<i>224.019.081.175</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	126.085.384.270	200.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	125.408.777.688	114.436.916.707
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	145.518.497.290	251.097.801.330
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Hội sở chính	8.095.410.386	6.165.424.764
Ngân hàng TMCP Tiên phong - Chi nhánh Phạm Hùng	94.250.598.316	-
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>254.562.399</i>	<i>254.562.399</i>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	<i>1.587.050.429.386</i>	<i>179.665.400.298</i>
Cộng	<u>2.583.241.633.319</u>	<u>1.660.688.867.444</u>

Tổng công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Lãi nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	13.423.300.831			1.234.904.190		14.658.205.021
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sẻ Sơn 3A	13.423.300.831			1.234.904.190		14.658.205.021
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	1.647.265.566.613	2.778.077.820.305	1.493.499.158.417		3.350.259.117.037	2.568.583.428.298
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.467.345.603.916	2.778.077.820.305			3.264.144.987.708	981.278.436.513
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	895.645.461.115	1.349.180.978.181			1.762.906.670.733	481.919.768.563
Chi nhánh Sở Giao dịch I	341.697.786.967	403.736.165.899			586.413.383.220	159.020.569.646
Chi nhánh Hà tây	329.928.592.973	429.117.798.800			616.400.924.800	142.645.466.973
Chi nhánh Cầu giấy	224.019.081.175	516.327.013.482			560.092.362.713	180.253.731.944
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	200.000.000.000	235.012.050.070			308.926.665.800	126.085.384.270
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	114.436.916.707	508.672.632.449			497.700.771.468	125.408.777.688
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	251.097.801.330	411.153.653.338			516.732.957.378	145.518.497.290
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Hội sở chính	6.165.424.764	179.807.907.951			177.877.922.329	8.095.410.386
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng		94.250.598.316				94.250.598.316
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	254.562.399					254.562.399
Vay dài hạn đến hạn trả	179.665.400.298		1.493.499.158.417		86.114.129.329	1.587.050.429.386
Ngân hàng NIB	93.551.270.969		188.745.872.171			282.297.143.140
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	36.000.000.000				36.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	24.000.000.000		32.000.000.000		24.000.000.000	32.000.000.000
Ngân hàng Phát triển Châu Á	26.114.129.329		45.528.663.579		26.114.129.329	45.528.663.579
Ngân hàng Natixis			292.187.019.431			292.187.019.431
Bộ Tài chính			935.037.603.236			935.037.603.236
Cộng	1.660.688.867.444	2.778.077.820.305	1.493.499.158.417	1.234.904.190	3.350.259.117.037	2.583.241.633.319

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	3.698.510.506.152	4.526.978.457.448
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình ⁽ⁱ⁾		8.680.201.526
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định ⁽ⁱⁱ⁾	48.839.648.417	80.839.648.417
Ngân hàng NIB	317.584.285.290	535.691.586.026
Ngân hàng Natixis	876.561.057.799	1.532.441.130.096
Vay ADB - vay thông thường	2.382.045.299.023	2.316.393.495.457
Vay ADB - vay đặc biệt	73.480.215.623	52.932.395.926
Vay dài hạn Bộ tài chính	354.765.382.545	983.296.087.211
Trái phiếu thường dài hạn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.231.140.510.949	1.500.000.000.000
Mệnh giá	1.250.000.000.000	1.500.000.000.000
Chi phí phát hành	(18.859.489.051)	
Cộng	5.284.416.399.646	7.010.274.544.659

(i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình để thanh toán các chi phí hoàn thiện Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà HH4, hạn mức tín dụng tối đa là 150 tỷ VND, thời hạn vay 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên (15/03/2010), lãi suất trong hạn là 14%/năm, được điều chỉnh theo lãi suất thả nổi (được tính dựa trên lãi suất tham chiếu và lãi suất biên 3,5%). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư của dự án (Công trình tòa nhà Hỗn hợp HH4) và một số quyền đi cùng công trình (Quyền khai thác; kinh doanh và các lợi ích gắn liền phát sinh trong tương lai của Dự án; Quyền đòi nợ, quyền thụ hưởng các hợp đồng Bảo hiểm).

(ii) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 00008/TDĐT-DH/TCDK-CNNĐ giữa Tập đoàn Sông Đà và Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí – Chi nhánh Nam Định (nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định) cho Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà HH4 Sông Đà Twin Tower, hạn mức tín dụng tối đa là 462 tỷ VND, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (12/03/2008), lãi suất năm 2008 là 0,98%/tháng, các năm tiếp theo bằng lãi suất huy động 12 tháng loại trả sau của PVFC cộng 0,2%. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành sau đầu tư của dự án.

(iii) Trái phiếu thường và có đảm bảo kỳ hạn 3 năm tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2015, mệnh giá 1.250.000.000.000 VND, lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên của trái phiếu là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo của trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 7 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của 04 Ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch cộng thêm 4% được phát hành cho 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng TMCP Tiên phong, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để tái cơ cấu các khoản nợ. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng Công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SD5, SD6, SD9, SDT, SJS, SJD, SD2, SD3, SJE, SD4, SEB.

Chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá trái phiếu và được phân bổ theo thời hạn đáo hạn của trái phiếu.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tổng công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
<i>Trái phiếu phát hành cho các bên liên quan</i>						
<i>Trái phiếu phát hành cho các tổ chức khác</i>						
Phát hành theo mệnh giá						
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 1.250.000.000.000 VND phát hành cho Công ty Cổ phần tài chính Sông Đà để bổ sung vốn kinh doanh</i>						
			1.250.000.000.000			1.500.000.000.000
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 250.000.000.000 VND phát hành cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước để bổ sung vốn kinh doanh</i>						
				Thả nổi	05 năm	1.250.000.000.000
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 850.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để tái cơ cấu các khoản nợ</i>						
	Thả nổi	03 năm	850.000.000.000			
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 300.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong để tái cơ cấu các khoản nợ</i>						
	Thả nổi	03 năm	300.000.000.000			
<i>Trái phiếu thường, có tài sản đảm bảo, mệnh giá 100.000.000.000 VND phát hành cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt để tái cơ cấu các khoản nợ</i>						
	Thả nổi	03 năm	100.000.000.000			
Cộng			1.250.000.000.000			1.500.000.000.000

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	4.350.523.332.302	652.012.826.150	1.445.861.864.884	2.252.648.641.268
Vay Bộ Tài chính	1.289.802.985.781	935.037.603.236	354.765.382.545	
Trái phiếu thường	1.231.140.510.949		1.231.140.510.949	
Cộng	6.871.466.829.032	1.587.050.429.386	3.031.767.758.378	2.252.648.641.268
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	4.706.643.857.746	179.665.400.298	3.059.460.457.922	1.467.517.999.526
Vay Bộ Tài chính	983.296.087.211		983.296.087.211	
Trái phiếu thường	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000		
Cộng	7.189.939.944.957	1.679.665.400.298	4.042.756.545.133	1.467.517.999.526

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Vay dài hạn Ngân hàng	Vay dài hạn Bộ Tài chính	Trái phiếu dài hạn	Tổng cộng
Số dư đầu năm	4.526.978.457.448	983.296.087.211	1.500.000.000.000	7.010.274.544.659
Số phát sinh trong năm	15.990.145.990	358.579.656.750	1.250.000.000.000	1.624.569.802.740
Lãi nhập gốc	1.012.782.607			1.012.782.607
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ	42.449.960.833	(52.072.758.180)		(9.622.797.347)
Số tiền vay đã trả trong năm	(329.459.285.545)		(1.500.000.000.000)	(1.829.459.285.545)
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(558.461.555.181)	(935.037.603.236)		(1.493.499.158.417)
Chi phí phát hành trái phiếu			(24.375.000.000)	(24.375.000.000)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu trong năm			5.515.510.949	5.515.510.949
Số cuối năm	3.698.510.506.152	354.765.382.545	1.231.140.510.949	5.284.416.399.646

19c. Các khoản vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại

Các khoản vay của các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính mà Tổng công ty Sông Đà đã đứng ra vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, Tổng công ty chỉ có trách nhiệm pháp lý chứ không trực tiếp sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết về các khoản vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	EUR	USD	Quy đổi VND
<i>Thời hạn dưới 1 năm</i>	<i>553.638,15</i>	<i>56.275.312,36</i>	<i>1.402.535.494.352</i>
Vay Ngân hàng NIB		6.592.116,43	162.831.867.864
Vay ngân hàng Natixis		11.828.955,08	292.187.019.431
Vay ngân hàng ADB	553.638,15		12.479.003.821
Vay Bộ tài chính		37.854.240,85	935.037.603.236
<i>Thời hạn trên 1 năm</i>	<i>28.535.195,96</i>	<i>57.265.385,66</i>	<i>2.057.695.603.996</i>
Vay ngân hàng NIB		7.416.130,96	183.185.850.916
Vay ngân hàng Natixis		35.486.865,22	876.561.057.799
Vay Ngân hàng ADB	28.535.195,96		817.069.511.364
Vay Bộ tài chính		14.362.389,48	354.765.382.545
Cộng	29.088.834,11	113.540.698,02	3.460.231.098.348

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	9.430.411.609	8.045.342.763	2.191.265.411	19.667.019.783
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	13.573.498.347	3.393.374.587	640.085.210	17.606.958.144
Tăng do nhận từ Công ty MTV Hạ tầng Sông Đà	2.612.272.627			2.612.272.627
Chi quỹ trong năm	(15.883.585.000)	(3.797.973.050)		(19.681.558.050)
Số cuối năm	9.732.597.583	7.640.744.300	2.831.350.621	20.204.692.504

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Cộng
Số đầu năm trước	2.566.661.289.860	361.296.991.505	77.587.600.402	94.456.489.208	5.750.601.944	76.161.868.993	3.181.914.841.912
Nhận vốn ban giao từ đơn vị trực thuộc	99.678.592						99.678.592
Lợi nhuận trong năm trước				83.517.029.736			83.517.029.736
Thu từ lợi nhuận sau thuế ở Công ty con				8.935.532.233			8.935.532.233
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế		39.856.655.953		(59.690.601.091)			(19.833.945.138)
Điều chuyển quỹ		77.587.600.402	(77.587.600.402)				
Nộp Ngân sách Nhà nước				(30.743.827.359)			(30.743.827.359)
Xử lý các khoản nợ không có khả năng thu hồi giảm quỹ Đầu tư phát triển		(3.307.958.155)					(3.307.958.155)
Trả lại vốn Cao đẳng nghề Sông Đà	(3.266.533.300)	(159.604.005)		(3.327.511.626)			(6.753.648.931)
Số dư cuối năm trước	2.563.494.435.152	475.273.685.700		93.147.111.101	5.750.601.944	76.161.868.993	3.213.827.702.890

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Cộng
Số dư đầu năm nay	2.563.494.435.152	475.273.685.700	93.147.111.101	5.750.601.944	76.161.868.993	3.213.827.702.890
Giảm vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	(645.762.900.000)		-			(645.762.900.000)
Phân phối lợi nhuận từ Công ty con – Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà			12.543.241.530			12.543.241.530
Lợi nhuận trong năm nay		18.562.790.627	112.107.423.287			112.107.423.287
Trích lập các quỹ			(36.169.748.771)			(17.606.958.144)
Điều chỉnh giảm cổ tức hạch toán trùng			(4.359.680.000)			(4.359.680.000)
Nộp Ngân sách nhà nước			(25.020.988.295)			(25.020.988.295)
Số dư cuối năm nay	1.917.731.535.152	493.836.476.327	152.247.358.852	5.750.601.944	76.161.868.993	2.645.727.841.268

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	32.083,24	54.819,78
Euro (EUR)		278,96

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.196.622.329.923	6.069.189.332.479
Doanh thu bán điện	276.379.419.966	337.269.079.887
Doanh thu cho thuê văn phòng	28.108.084.741	21.406.744.447
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	236.500.283.330	229.453.892.941
Doanh thu hoạt động khác	474.974.018.693	433.116.426.915
Cộng	<u>7.212.584.136.653</u>	<u>7.090.435.476.669</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là các khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	6.091.382.762.226	5.946.724.258.382
Giá vốn kinh doanh điện	276.379.419.966	337.269.079.887
Giá vốn cho thuê văn phòng	18.121.194.336	18.121.194.336
Giá vốn dịch vụ khác	38.154.987.028	30.546.802.527
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	474.974.018.693	433.116.426.915
Cộng	<u>6.899.012.382.249</u>	<u>6.765.777.762.047</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	4.636.737.457	4.759.476.559
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	981.254.782	63.015.000
Lãi cho vay	265.501.915.453	392.009.939.892
Cổ tức, lợi nhuận được chia	250.433.494.851	227.537.276.060
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	9.642.543.327	4.612.421.505
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		30.316.251.294
Lãi chuyển nhượng công ty liên kết	28.217.743.562	
Phí bảo lãnh	1.096.055.048	5.640.825.836
Cộng	<u>560.509.744.480</u>	<u>664.939.206.146</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	333.890.469.648	386.405.650.106
Chi phí lãi trái phiếu	155.919.851.464	185.824.429.840
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.371.616.854	122.904.616
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	45.747.591.150	
Phí lưu ký chứng khoán	1.297.839.239	632.862.845
Phí bảo lãnh	1.096.055.048	1.506.449.007
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(16.405.271.703)	105.145.288.931
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	36.583.083.014	8.156.537.316
Chi phí tài chính khác	40.500.000	937.847
Cộng	569.541.734.714	687.795.060.508

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	79.223.345.991	67.839.174.998
Chi phí vật liệu quản lý	3.876.903.193	2.968.679.129
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.371.975.224	2.112.011.159
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.171.883.780	8.880.483.674
Thuế, phí và lệ phí	10.884.421.247	10.794.748.180
Chi phí dự phòng	1.989.500	30.046.698.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.506.949.292	13.985.688.927
Chi phí bằng tiền khác	16.312.876.832	23.205.846.243
Cộng	137.350.345.059	159.833.330.310
Chi phí quản lý các năm trước chưa phân bổ	10.624.741.137	25.842.254.566
Trích trước chi phí	6.861.399.842	
Chi phí sửa chữa các công trình phụ trợ của dự án Thủy điện Đồng Nai 5	5.825.700.292	
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm nay	(154.494.937.696)	(173.271.979.656)
Hoàn nhập chi phí trích trước		(1.778.864.083)
Chi phí chờ kết chuyển sang năm sau	6.167.248.634	10.624.741.137

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	84.300.293	282.545.455
Phí y tế và bảo vệ công trình	3.235.104.219	5.414.164.431
Phí chuyển tiền chi hộ các đơn vị	275.838.321	881.194.395
Xử lý công nợ theo biên bản kiểm kê		1.705.811.881
Thu từ tiền phạt vi phạm hợp đồng		2.545.455.360
Tiền thu tưới nước chống bụi	196.936.288	
Thu gom xử lý rác thải	651.450.242	
Thu nhập khác	313.700.279	1.681.278.561
Cộng	4.757.329.642	12.510.450.083

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	135.844.347	376.719.997
Phí y tế và bảo vệ công trình	3.235.104.219	5.401.536.862
Phí chuyển tiền	275.838.321	425.960.877
Chi phí quản lý BDH Sê San 4		2.428.040.911
Thuế GTGT không được khấu trừ	30.959.620	
Chi phí tưới nước chống bụi	196.936.288	
Chi phí thu gom xử lý rác thải	651.450.242	
Chi phí khác	205.874.254	96.046.978
Cộng	4.732.007.291	8.728.305.625

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tổng công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Nhận chuyển nhượng cổ phiếu thông qua công nợ	67.070.600.000	
Giảm đầu tư ủy thác vào Công ty con	3.528.500.000	
Tăng vốn phân phối lợi nhuận ở Công ty con – Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	12.543.241.530	8.935.532.233
Lãi vay nhập gốc	2.247.686.797	1.568.999.660
Chuyển công nợ sang khoản cho vay	91.100.105.459	10.507.962.902
Thu hồi cho vay qua gán trừ công nợ	14.236.366.759	40.363.936.152
Nhận lại vốn từ đơn vị trực thuộc		99.678.592
Chuyển chủ thể vay Dự án Nhà máy xi măng Đồng Bành sang Tổng Công ty Cơ khí xây dựng		219.528.788.529
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Trung		5.858.589.100
Cổ phiếu thưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Trung		6.266.810.900
Cổ phiếu thưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 5		9.528.800.000
Cổ phiếu thưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt	6.705.100.000	
Giảm cổ tức do hạch toán trùng	4.359.680.000	
Lãi cho vay nhập gốc	349.087.098.071	
Nhận tiền gửi có kỳ hạn qua cấn trừ công nợ	6.332.978.101	
Hủy bút toán đánh giá chênh lệch tỷ giá khoản đầu tư Ucrin của KTNN	957.413.228	
Giảm vốn Nhà nước Dự Án Xi măng Hạ Long	645.762.900.000	
Tăng khoản đầu tư từ cổ phiếu thưởng	6.705.100.000	
Gán trừ phải thu lãi cho vay và công nợ	15.560.883.854	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

1a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tổng Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

1b. Các sai sót

Số liệu Báo cáo tài chính năm 2014 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Tổ kiểm toán số 1 thuộc Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V thực hiện tại Tổng công ty từ ngày 02/11/2015 đến ngày 30/11/2015.

1c. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới điều chỉnh các sai sót

Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh được trình bày ở Phụ lục I đính kèm.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuyết Trinh



**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Tuấn



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục I: Tổng hợp ảnh hưởng của Chế độ kế toán và điều chỉnh các sai sót

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán tổng hợp					
Các khoản tương đương tiền	112	1.200.000.000	(1.200.000.000)		(i)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.200.000.000	1.200.000.000	(i)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.963.893.511.224	4.378.224.045	1.968.271.735.269	(ii)
Phải thu ngắn hạn khác	136	1.218.571.497.552	50.097.664.061	1.268.669.161.613	(iii)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.922.353.918)	(30.046.698.000)	(31.969.051.918)	(iv)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	52.288.683.367	(1.340.753.700)	50.947.929.667	(v)
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.772.451.400	(2.772.451.400)		(vi)
Phải thu về cho vay dài hạn	215		3.682.298.531.968	3.682.298.531.968	(vii)
Phải thu dài hạn khác	216	3.668.837.689.118	(3.667.604.431.076)	1.233.258.042	(viii)
Tài sản cố định hữu hình	221	1.038.495.558.447	(168.856.529)	1.038.326.701.918	(ix)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	910.959.162.136	957.413.228	911.916.575.364	(x)
Tài sản dài hạn khác	268	1.233.258.042	(1.233.258.042)		(xi)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.238.647.925.394	(98.820.900)	2.238.549.104.494	(xii)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.940.186.474	460.749.137	6.400.935.611	(xiii)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	599.493.636.779	(6.684.441.581)	592.809.195.198	(xiv)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	117.027.345.062	60.082.469	117.087.427.531	(xv)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21.046.800.605	(1.379.780.822)	19.667.019.783	(xvi)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	145.121.090.728	(1.344.955.356)	143.776.135.372	(xix)
Phải trả dài hạn khác	337	3.786.549.566.437	(3.668.807.819.485)	117.741.746.952	(xvii)
Vay và nợ dài hạn	338	3.326.662.589.446	3.683.611.955.213	7.010.274.544.659	(xviii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	478.581.643.855	(3.307.958.155)	475.273.685.700	(xx)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	61.190.737.066	31.956.374.035	93.147.111.101	(xxi)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.085.110.317.635	5.325.159.034	7.090.435.476.669	(xxii)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	7.036.315.322.309	5.325.159.034	7.041.640.481.343	(xxii)
Giá vốn hàng bán	11	6.766.088.982.184	(311.220.137)	6.765.777.762.047	(xxiii)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	482.907.723.199	182.031.482.947	664.939.206.146	(xxiv)
Chi phí tài chính	22	509.047.763.344	178.747.297.164	687.795.060.508	(xxv)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23	393.387.062.537	178.843.017.409	572.230.079.946	(xxv)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	143.019.021.619	30.252.958.037	173.271.979.656	(xxvi)
Thu nhập khác	31	12.174.117.737	336.332.346	12.510.450.083	(xxvii)
Chi phí khác	32	13.181.581.575	(4.453.275.950)	8.728.305.625	(xxviii)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục I: Tổng hợp ảnh hưởng của Chế độ kế toán và điều chỉnh các sai sót

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp				
Lợi nhuận trước thuế	01	100.059.814.523	(16.542.784.787)	83.517.029.736
Khấu hao tài sản cố định	02	26.782.624.685	168.856.529	26.951.481.214
Các khoản dự phòng	03	105.145.288.931	38.019.790.770	143.165.079.701
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(29.963.289.045)	(352.962.249)	(30.316.251.294)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(429.904.830.593)	(189.987.945.814)	(619.892.776.407)
Chi phí lãi vay	06	393.387.062.537	178.843.017.409	572.230.079.946
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(364.121.300.014)	172.116.063.480	(192.005.236.534)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(20.581.990.499)	(4.435.550.596)	(25.017.541.095)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	30.875.402.956	1.340.753.700	32.216.156.656
Tiền lãi vay đã trả	14	(369.612.207.809)	(178.843.017.409)	(548.455.225.218)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.534.996.344	(441.042.533)	1.093.953.811
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(26.417.621.500)	114.821.500	(26.302.800.000)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	(1.200.000.000)	(11.200.000.000)
(i) Trình bày lại khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 1 năm sang khoản đầu tư ngắn hạn theo Biên bản kiểm toán của Cơ quan kiểm toán Nhà nước.				
(ii) Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Tăng phải thu phí tổng thầu và phí thầu chính thu được				3.890.996.231
Tăng phải thu phí ban điều hành Đồng Nai 5				487.227.814
Cộng				4.378.224.045
(iii) Phải thu ngắn hạn khác				
Các khoản điều chỉnh theo biên bản kiểm toán nhà nước				
Tăng các khoản phải thu khác chưa đủ điều kiện xóa nợ				47.119.378.000
Tăng phải thu đối với EVN về thiết bị lắp đặt nhà máy				1.340.753.700
Xác định lại tỷ giá tại thời điểm 31/12/2014				838.841.899
Tăng phải thu khác - khoản thuế GTGT dịch vụ bảo vệ				181.127.976
Giảm phải thu khác chi phí lán trại và đường nội bộ - BDH Huội Quảng				(2.154.888.914)
Trình bày lại theo thông tư 200				
Trình bày lại các khoản tạm ứng và ký quỹ sang phải thu ngắn hạn khác				2.772.451.400
Cộng				50.097.664.061
(iv) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
Trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi theo biên bản kiểm toán nhà nước				30.046.698.000
(v) Chi phí trả trước ngắn hạn				
Giảm chi phí trả trước ngắn hạn đối với thiết bị lắp đặt nhà máy theo biên bản kiểm toán Nhà nước				1.340.753.700
(vi) Tài sản ngắn hạn khác				
Trình bày lại các khoản tạm ứng và ký quỹ sang phải thu ngắn hạn khác				

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục I: Tổng hợp ảnh hưởng của Chế độ kế toán và điều chỉnh các sai sót

(vii) Phải thu về cho vay dài hạn		
Trình bày lại các khoản cho vay dài hạn từ chỉ tiêu "phải thu dài hạn khác" sang chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"		3.682.198.531.968
Trình bày lại khoản cho vay Sở Xây dựng Sơn La từ chỉ tiêu "đầu tư dài hạn khác" sang chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"		100.000.000
Cộng		3.682.298.531.968
(viii) Phải thu dài hạn khác		
Xác định lại tỷ giá tại thời điểm 31/12/2014 theo biên bản kiểm toán Nhà nước		13.360.842.850
Trình bày lại các khoản cho vay dài hạn từ chỉ tiêu "phải thu dài hạn khác" sang chỉ tiêu "phải thu về cho vay dài hạn"	(3.682.198.531.968)	
Trình bày lại các khoản ký quỹ ký cược dài hạn từ chỉ tiêu " tài sản dài hạn khác" sang chỉ tiêu " phải thu dài hạn khác"		1.233.258.042
Cộng		(3.667.604.431.076)
(ix) Tài sản cố định hữu hình		
Trích bổ sung khấu hao tài sản cố định năm 2014 theo biên bản kiểm toán Nhà nước.		
(x) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		
Xác định lại tỷ giá tại thời điểm 31/12/2014 theo biên bản kiểm toán Nhà nước.		
(xi) Tài sản dài hạn khác		
Trình bày lại các khoản ký quỹ ký cược dài hạn từ chỉ tiêu " tài sản dài hạn khác" sang chỉ tiêu "phải thu dài hạn khác".		
(xii) Phải trả người bán ngắn hạn		
Giảm phải trả người bán chi phí sửa chữa		(98.820.900)
Cộng		(98.820.900)
(xiii) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
- Thuế giá trị gia tăng		483.820.343
Tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng doanh thu phí tổng thầu tăng		353.726.930
Tăng thuế GTGT phải nộp đối với dịch vụ bảo vệ - BDH Lai Châu		85.799.976
Tăng thuế GTGT phải nộp tương ứng doanh thu phí BDH Đồng Nai 5		44.293.437
- Thuế thu nhập cá nhân		(23.071.206)
Tăng thuế TNCN theo quyết toán thuế - BDH Lai Châu		65.328.000
Giảm thuế TNCN theo quyết toán thuế - BDH Sesan 3		(88.399.206)
Cộng		460.749.137
(xiv) Chi phí phải trả ngắn hạn		
Trích trước chi phí ăn ca năm 2014		154.094.064
Giảm chi phí trích trước tiền phạt chậm trả tiền vay ngân hàng	(3.171.835.635)	
Giảm chi phí trích trước lán trại và đường nội bộ - BDH Huội Quảng	(2.154.888.914)	
Giảm chi phí phải trả chi phí lán trại dự án Xi măng Hạ Long	(1.145.317.795)	
Giảm chi phí phải trả chi phí lán trại trích trước chưa phù hợp	(366.493.301)	
Cộng		(6.684.441.581)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục I: Tổng hợp ảnh hưởng của Chế độ kế toán và điều chỉnh các sai sót

(xv) Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
Tăng khoản thuế TNCN phải trả người lao động theo Quyết toán thuế		88.399.206
Giảm chi phí bảo hiểm trích thừa so với đối chiếu BHXH		(28.316.737)
Cộng		60.082.469
(xvi) Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Giảm số trích quỹ khen thưởng theo biên bản kiểm toán Nhà nước.		
(xvii) Phải trả dài hạn khác		
Xác định lại tỷ giá tại thời điểm 31/12/2014 theo biên bản kiểm toán Nhà nước - khoản đi vay để cho vay lại		13.390.712.483
Phân loại số dư đầu kỳ khoản đi vay cho vay lại từ phải trả dài hạn khác sang vay và nợ dài hạn		(3.682.198.531.968)
Cộng		(3.668.807.819.485)
(xviii) Vay và nợ dài hạn		
Phân loại số dư đầu kỳ khoản đi vay cho vay lại từ phải trả dài hạn khác sang vay và nợ dài hạn		3.682.198.531.968
Xác định lại tỷ giá tại thời điểm 31/12/2014 theo biên bản kiểm toán Nhà nước		1.413.423.245
Cộng		3.683.611.955.213
(xix) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Kết chuyển doanh thu tái thiết đầu tư 6 tháng cuối năm 2014 theo biên bản kiểm toán Nhà nước.		
(xx) Quỹ đầu tư phát triển		
Xử lý các khoản công nợ không có khả năng thu hồi theo biên bản Kiểm toán Nhà nước.		
(xxi) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
Tăng lợi nhuận chưa phân phối năm 2014		47.119.378.000
Tăng do phân phối lại lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo biên bản kiểm toán Nhà nước		1.379.780.822
Giảm do kết quả kiểm toán Nhà nước thay đổi		(16.542.784.787)
Cộng		31.956.374.035
(xxii) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tăng doanh thu phí tổng thầu, phí thầu chính đang hạch toán thiếu - Cơ quan		3.537.269.301
Tăng doanh thu phí ban điều hành hạch toán thiếu - BDH Đồng Nai 5		442.934.377
Tăng doanh thu tái thiết đầu tư 6 tháng cuối năm 2014		1.344.955.356
Cộng		5.325.159.034
(xxiii) Giá vốn hàng bán		
Tăng giá vốn chi phí ăn ca năm 2014 - BDH Đồng Nai 5		154.094.064
Giảm giá vốn các khoản trích trước chưa phù hợp - BDH Huội Quảng		(366.493.301)
Giảm giá vốn chi phí sửa chữa văn phòng hạch toán trùng		(98.820.900)
Cộng		(311.220.137)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục I: Tổng hợp ảnh hưởng của Chế độ kế toán và điều chỉnh các sai sót

(xxiv) Doanh thu hoạt động tài chính	
Tăng lãi cho vay thu của các đơn vị	182.014.853.044
Tăng doanh thu hoạt động tài chính giá trị chênh lệch tỷ giá	352.962.249
Giảm khoản thu từ thu phí chuyển tiền cho các đơn vị - BDH Đồng Nai 5	(336.332.346)
Cộng	182.031.482.947
(xxv) Chi phí tài chính	
Tăng chi phí lãi vay tương ứng khoản vay để cho vay lại	182.014.853.044
Giảm chi phí trích trước tiền phạt chậm trả tiền vay ngân hàng VDB Quảng Ninh	(3.171.835.635)
Giảm chi phí chuyển tiền Ban điều hành Đồng Nai 5 hạch toán vào chi phí tài chính chưa phù hợp	(95.720.245)
Cộng	178.747.297.164
(xxvi) Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Trích bổ sung dự phòng phải thu khó đòi	30.046.698.000
Trích bổ sung khấu hao TSCĐ năm 2014	168.856.529
Tăng chi phí chuyển tiền Ban điều hành Đồng Nai 5 hạch toán vào chi phí tài chính chưa phù hợp	95.720.245
Giảm chi khen thưởng đột xuất thuộc nguồn chi quỹ khen thưởng - BDH Lai Châu	(30.000.000)
Giảm chi phí bảo hiểm trích thừa so với đối chiếu BHXH	(28.316.737)
Cộng	30.252.958.037
(xxvi) Thu nhập khác	
Tăng khoản thu từ thu phí chuyển tiền cho các đơn vị - BDH Đồng Nai 5 theo biên bản kiểm toán Nhà nước.	
(xxvii) Chi phí khác	
Giảm chi phí khác - các khoản công nợ không có khả năng thu hồi	(3.307.958.155)
Giảm chi phí lán trại dự án Xi măng Hạ Long Đơn vị kết chuyển vào chi phí khác chưa phù hợp	(1.145.317.795)
Cộng	(4.453.275.950)

